|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 201* |

**MẪU TỰ ĐÁNH CỦA BÁC SỸ TRẺ**

**CHUYÊN NGÀNH CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ trẻ tình nguyện**

Họ và tên :……..……………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp Chuyên khoa I năm:………………………………………………..

Đơn vị tuyển dụng:……………………………………………………………..

Đơn vị sử dụng:…………………………………………………………………

Thời gian bắt đầu công tác tại huyện nghèo:…………………………………..

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc?Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**

**3.1. Về chuyên môn: làm được………. kỹ thuật, trong đó:**

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật

- Thực hiện theo phân tuyến: …… kỹ thuật

- Theo chương trình đào tạo: …… kỹ thuật

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ trẻ chuyển giao cho đơn vị sau khi đến công tác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. Siêu âm đầu, cổ** |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tuyến giáp |  |  |  |  |
|  | Siêu âm các tuyến nước bọt |  |  |  |  |
|  | **B. Siêu âm ổ bụng** |  |  |  |  |
|  | Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) |  |  |  |  |
|  | Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến) |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng |  |  |  |  |
|  | Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) |  |  |  |  |
|  | **C. Siêu âm sản phụ khoa** |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng |  |  |  |  |
|  | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo |  |  |  |  |
|  | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu |  |  |  |  |
|  | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa |  |  |  |  |
|  | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối |  |  |  |  |
|  | **D. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy** |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang sọ tiếp tuyến |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang Blondeau |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang Hirtz |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang hàm chếch một bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang Chausse III |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang Schuller |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang Stenvers |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp thái dương hàm |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical) |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing) |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang răng toàn cảnh |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang phim cắn (Occlusal) |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang mỏm trâm |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khung chậu thẳng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp vai thẳng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp háng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang ngực thẳng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang tại giường |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang tại phòng mổ |  |  |  |  |
|  | **E. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị** |  |  |  |  |
|  | Chụp Xquang đường mật qua Kehr |  |  |  |  |
|  | **G. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy** |  |  |  |  |
|  | Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp CLVT hốc mắt |  |  |  |  |
|  | **H. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy** |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u |  |  |  |  |
|  | **I. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy** |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy |  |  |  |  |
|  | **K. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy** |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang |  |  |  |  |
|  | **L. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm** |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm |  |  |  |  |
|  | **M. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tay nghề thực hành** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
| **I. Kỹ thuật chung** | | | | |  |
| 1. | Sử dụng và bảo quản máy siêu âm |  |  |  |  |
| 2. | Sử dụng và bảo quản máy Xquang |  |  |  |  |
| 3. | Sử dụng và bảo quản máy CR |  |  |  |  |
| 4. | Sử dụng và bảo quản máy CT |  |  |  |  |
| 5. | Siêu âm cơ bản |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm gan |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm tụy |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm lách |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm thận |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm tử cung, phần  phụ |  |  |  |  |
| Thăm khám, giải phẫu siêu âm thai |  |  |  |  |
| Xác định một số dấu hiệu bệnh lí trên siêu  âm |  |  |  |  |
| 6 | Chẩn đoán Xquang cơ bản |  |  |  |  |
| Đọc được cácTổn thương cơ bản Xquang ngực |  |  |  |  |
| Đọc được cácTổn thương cơ bản Xquang xương khớp |  |  |  |  |
| Đọc được cácTổn thương cơ bản Xquang bụng |  |  |  |  |
| **II. Chẩn đoán hình ảnh một số bệnh lý cơ bản** | | | | |  |
| 7. | Bệnh lí cơ quan tiêu hóa |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí lan tỏa của gan |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí khu trú của gan |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí của túi mật |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí của đường mật |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí viêm của tụy |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí u của tụy |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí ống tiêu hóa:  viêm, thủng |  |  |  |  |
| 8. | Bệnh lí thần kinh |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí chấn thương sọ,  tủy sống |  |  |  |  |
| Chẩn đoán đột quị |  |  |  |  |
| Chẩn đoán các bệnh lí viêm, thoái hóa |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí u thần kinh |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí tủy sống, cột  sống gây chèn ép thần kinh |  |  |  |  |
| 9. | Bệnh lí cơ quan hô hấp |  |  |  |  |
| Mô tả được các hội chứng tổn thương  ngực |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí viêm |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí u phổi |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí trung thất |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí bẩm sinh |  |  |  |  |
| 10. | Bệnh lí hệ tiết niệu, sinh dục |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí sỏi tiết niệu |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí bẩm sinh |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí viêm nhiễm |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí u đường tiết  tiệu |  |  |  |  |
| 11. | Bệnh lí cơ quan vận động |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí viêm |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí u |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí thoái hóa |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí loạn dưỡng,  loạn sản |  |  |  |  |
| Đánh giá loãng xương |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí chấn thương |  |  |  |  |
| 12. | Một số bệnh lí cơ quan thai, sản |  |  |  |  |
| Siêu âm thai bình thường qua các giai đoạn |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí thai bệnh lí |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí sản khoa cấp  cứu |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí phụ khoa cấp  cứu |  |  |  |  |
| 13. | Bệnh lí tim mạch |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí động mạch: tắc,  phình động mạch chi, chủ, cảnh, thận |  |  |  |  |
| Chẩn đoán bệnh lí tĩnh mạch: giãn, huyết  khối |  |  |  |  |
| 14. | Một số bệnh lí khác |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí tai, mũi, họng |  |  |  |  |
| Chẩn đoán một số bệnh lí nhi khoa: lồng ruột, viêm, u… đặc trưng của nhi khoa |  |  |  |  |

**3.2. Về các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại huyện nghèo: ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:…………….

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không)

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại huyện nghèo**

**5.1. Thuận lợi**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |